TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 15-10-2020.
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Trúc Phương.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Phước

2. Ông Trần Văn Phơ

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Hên Thị Hồng Xinh,** thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên tòa*: Bà **Phạm Thúy Trang** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2020 tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 126/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2020 về việc "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 169/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị Mỹ T, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Khóm H, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Kha Ngọc N, sinh năm 1983;

Địa chỉ: khu dân cư T, khóm H, phường H, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/5/2020, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ T trình bày:

Bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Kha Ngọc N tổ chức lễ cưới vào năm 2014, đến năm 2019 thì đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân phường 2, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 03/01/2019. Hôn nhân tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn, ông bà chung sống

hạnh phúc nhưng kể từ khi chung sống ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không còn phù hợp về tính tình, bà T đã nhiều lần hàn gắn nhưng không đạt kết quả mà mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn. Từ những mâu thuẫn trên nên bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Kha Ngọc N đã sống ly thân từ cuối năm 2019 cho đến nay.

Bà Nguyễn Thị Mỹ T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nguyễn Thị Mỹ T có nguyện vọng được ly hôn với ông Kha Ngọc N.

Trong thời gian chung sống ông, bà có 01 con chung tên Kha Tuệ N1, sinh ngày 18/11/2018 (nữ). Hiện nay cháu N1 đang sinh sống cùng ông Kha Ngọc N.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay bà Nguyễn Thị Mỹ T yêu cầu Toà án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ T yêu cầu ly hôn với ông Kha Ngọc N.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Kha Tuệ N1, sinh ngày 18/11/2018 (nữ). Không yêu cầu ông Kha Ngọc N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Kha Ngọc N: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý vụ án cho ông Kha Ngọc N biết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và gửi thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Kha Ngọc N nhưng ông Kha Ngọc N không có văn bản trả lời, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và cũng không cung cấp chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án thì Thẩm phán xác định về thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của pháp luật và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát cũng đảm bảo. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

Đối với nguyên đơn đã chấp hành đúng theo quy định tại Điều 68, 70, 71, 234 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung: bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Kha Ngọc N sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về con chung: hiện nay cháu Tuệ N1 đang sống cùng ông N, cháu N1 phát triển bình thường, cuộc sống ổn định nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận giao con chung cho bà T nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn ông Kha Ngọc N đã được Toà án tống đạt hợp lệ các quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo đúng trình tự thủ tục tố tụng nhưng ông vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Kha Ngọc N.

[2] Về hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Kha Ngọc N là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, do đó việc ông bà tiến đến hôn nhân và được Ủy ban nhân dân phường 2, thành phố Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn là hoàn toàn đúng pháp luật cho nên hôn nhân của ông bà được pháp luật công nhận đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ T, ngay từ đầu chung sống, mâu thuẫn phát sinh không lớn nhưng do giữa ông và bà không có một biện pháp nào để khắc phục và hiện nay ông bà không còn sống chung. Xét thấy tình trạng hôn nhân của bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Kha Ngọc N trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cho nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ T.

[3]. Về con chung: sau khi phát sinh mâu thuẫn thì bà T đã đưa con chung là cháu N1 về sinh sống tại số 66, Khóm Huỳnh Thu, phường Khánh Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng nhưng đến khi cháu N1 được khoảng 16 tháng tuổi thì ông Kha Ngọc N đã đưa cháu về thành phố Sóc Trăng để trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi bà Nguyễn Thị Mỹ T và ông Kha Ngọc N ly thân đến nay thì cháu Kha Tuệ N1 chung sống với ông Kha Ngọc N, cuộc sống của cháu đang ổn định và hiện nay cháu N1 phát triển bình thường. Do đó nhằm để ổn định cuộc sống cũng như tâm lý của cháu N1, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cần tiếp tục giao cho ông Kha Ngọc N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kha Tuệ N1 cho đến tuổi trưởng thành. Nên yêu cầu được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn của bà Nguyễn Thị Mỹ T không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Mỹ T trình bày trường hợp ông Kha Ngọc N được trực tiếp nuôi con thì bà Nguyễn Thị Mỹ T sẽ không cấp dưỡng cụ thể số tiền bao nhiêu, mà bà sẽ lo các chi phí học hành, trường lớp của cháu N1, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận việc bà T không cấp dưỡng cho cháu N1.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết bà Nguyễn Thị Mỹ T trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Mỹ T là người có đơn xin ly hôn nên phải án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án Pháp lệnh án phí, lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ T được ly hôn ông Kha Ngọc N.

2. Về con chung: Giao cháu Kha Tuệ N1, sinh ngày 18/11/2018 (nữ) cho ông Kha Ngọc N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu Kha Tuệ N1 đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Mỹ T không cấp dưỡng nuôi cháu Kha Tuệ N1.

Bà Nguyễn Thị Mỹ T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu Kha Tuệ N1, sinh ngày 18/11/2018 (nữ) mà không ai được cản trở theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình giải quyết bà Nguyễn Thị Mỹ T trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Mỹ T phải chịu án phí dân sự số tiền 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Thị Mỹ T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001917 ngày 25/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và 9

Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND - TPST;*
- *TAND tỉnh ST;*
- *Thi hành án DS - TPST;*
- *Các đương sự;*
- *Nơi đăng ký kết hôn;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

LÊ TRÚC PHƯƠNG